

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành đơn giá công tác đăng ký đất đai, tài sản gắn liền
với đất thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2007/TTLT-BTNMT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2007 của liên bộ: Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập dự toán kinh phí đo đạc bản đồ và quản lý đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2007/TT-BTNMT ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc lập, chỉnh lý, quản lý hồ sơ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 30/2009/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 17/2010/TT-BTNMT ngày 04 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về chuẩn dữ liệu địa chính;

Căn cứ Thông tư số 08/2011/TT-BTNMT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2009/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 04/2013/TT-BTNMT ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 641/TTr-STNMT ngày 20 tháng 12 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành đơn giá công tác đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bình Dương trên. Cụ thể như sau:

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Chi phí (đồng)					Chi phí chung (15%)	Thành tiền (đồng)
			Lao động công nghệ	Dụng cụ	Khấu hao thiết bị	Vật liệu	Tổng		
1	Chỉnh lý hình thể thửa đất vào dữ liệu không gian địa chính của cơ sở dữ liệu	Thửa	21.265	183	553	1.718	23.718	3.558	27.276
2	Cập nhật thông tin biến động về thuộc tính địa chính của thửa đất								
2.1	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu	Thửa	14.176	122	369	1.145	15.812	2.372	18.184
2.2	Đăng ký thế chấp, xóa thế chấp	Thửa	10.632	92	276	859	11.859	1.779	13.638
2.3	Chuyển quyền sử dụng toàn bộ thửa đất	Thửa	14.176	122	369	1.145	15.812	2.372	18.184
2.4	Chuyển quyền sử dụng một phần thửa đất	Thửa	21.991	189	572	1.221	23.973	3.596	27.569
2.5	Thay đổi thông tin về thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Thửa	17.579	152	457	1.425	19.612	2.942	22.554
2.6	Cấp đổi, cấp lại GCN	Thửa	7.088	61	184	572	7.906	1.186	9.091
2.7	Các thay đổi khác	Thửa	10.632	92	276	859	11.859	1.779	13.638
3	Quét (chụp) giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất và bản đồ, sơ đồ, bản trích đo địa chính đối với trường hợp đăng ký bổ sung lần đầu, đăng ký biến động (nếu có)	Trang A4	1.812	78	503	601	2.994	449	3.444

Ghi chú:

Đơn giá trên áp dụng cho các trường hợp là một (01) hồ sơ có một (01) thửa đất và một (01) trang quét (chụp) A4. Tùy vào số lượng cụ thể thửa đất, trang quét (chụp) của từng loại hồ sơ để áp dụng theo đơn giá trên;

Trường hợp hồ sơ quét (chụp) giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất không phải là giấy A4 được tính như sau:

- Trường hợp tài liệu quét (chụp) là giấy khổ A3 thì được tính là hai (02) trang A4;

- Trường hợp tài liệu quét (chụp) là giấy khổ A2 thì được tính là bốn (04) trang A4;

- Trường hợp tài liệu quét (chụp) là giấy khổ A1 thì được tính là tám (08) trang A4;

- Trường hợp tài liệu quét (chụp) là giấy khổ A0 thì được tính là mười sáu (16) trang A4.

Điều 2. Về kinh phí

1. Nguồn kinh phí: sự nghiệp kinh tế.

2. Về dự toán: Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất các cấp căn cứ đơn giá đã được phê duyệt lập dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này thay thế Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 18/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành đơn giá thực hiện công tác cập nhật, chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính ba (03) cấp trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Quyết định này có hiệu lực sau mười (10) ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Trần Văn Nam